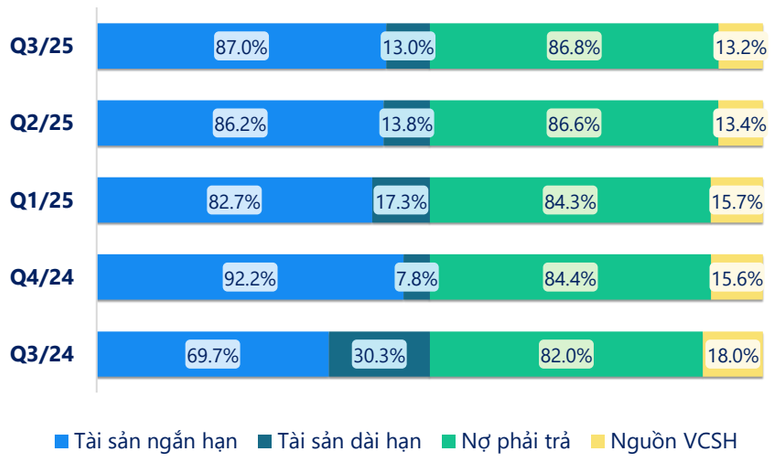
FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	65,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,700
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	122,585
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,576
P/E	27.0
EPS	2,432

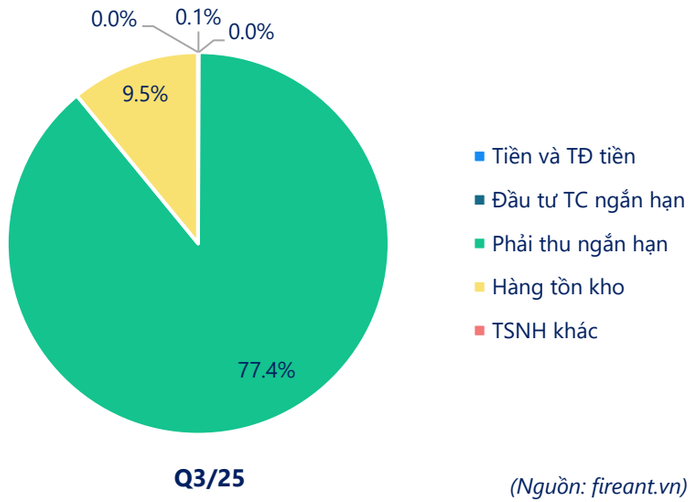
	YTD	1T	3T	6T
SCG	0.3%	3.3%	1.2%	-1.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



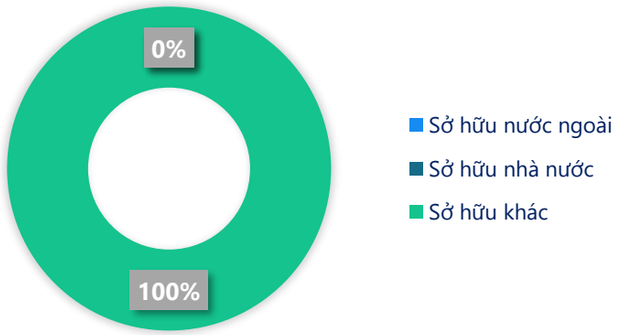
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



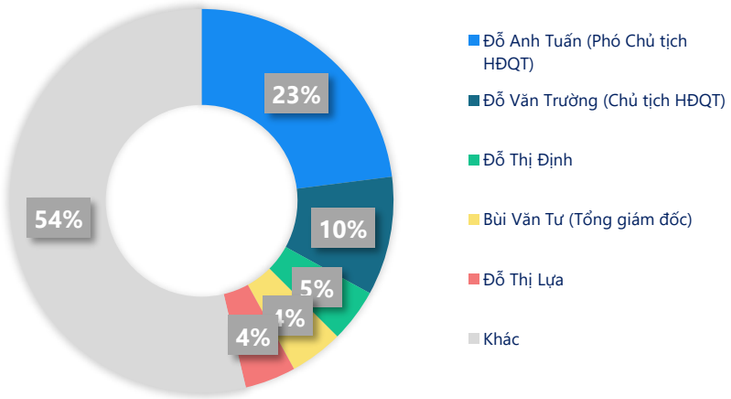
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



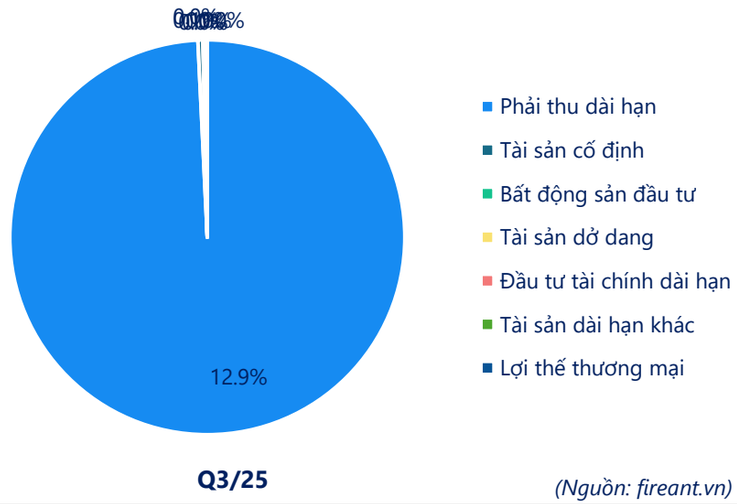
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

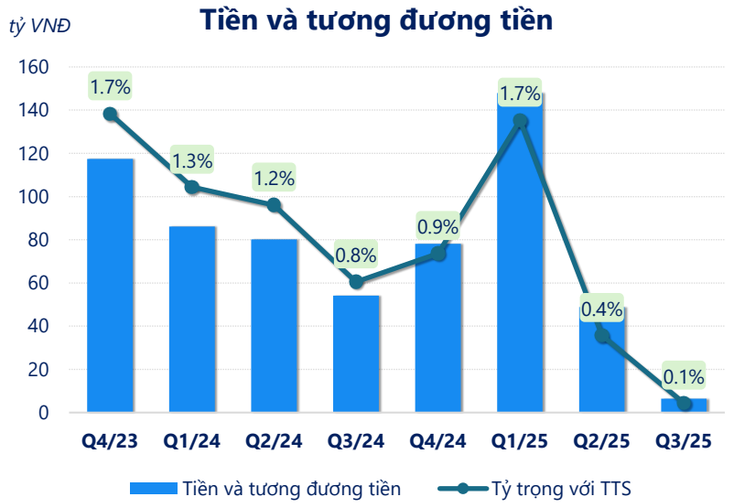


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

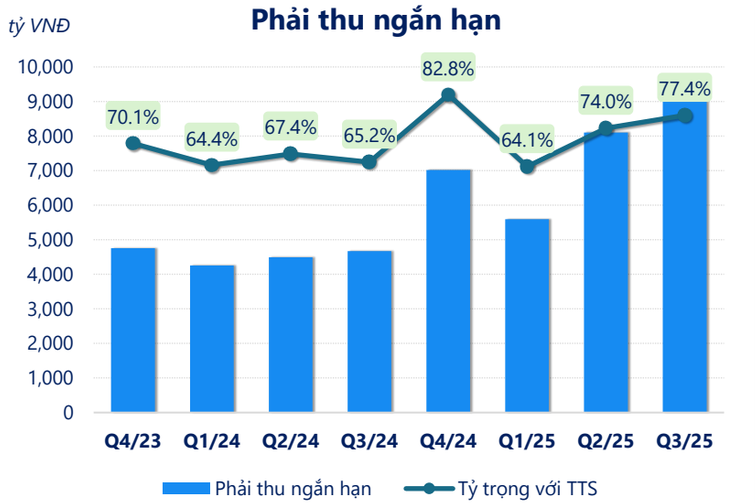
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Tiền và tương đương tiền



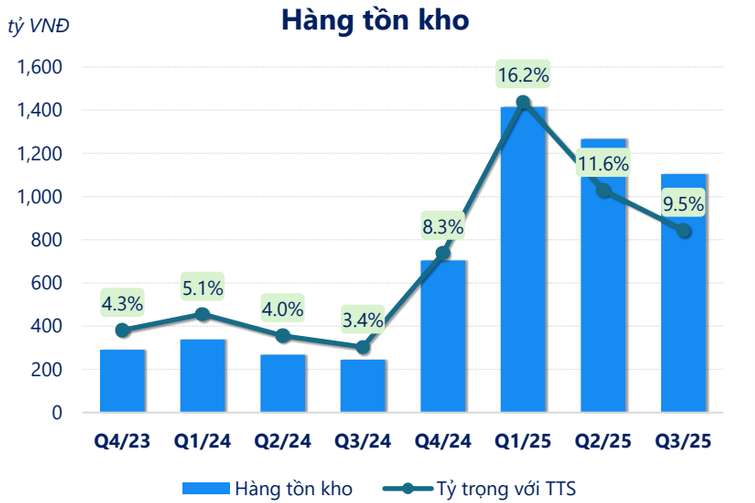
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



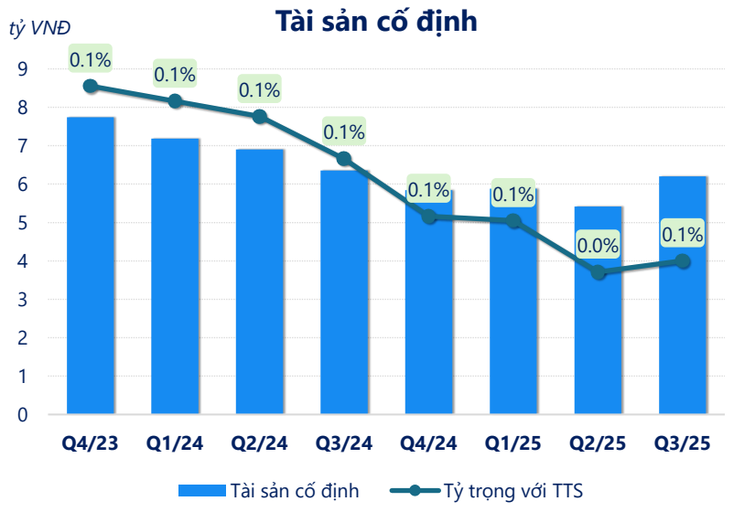
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



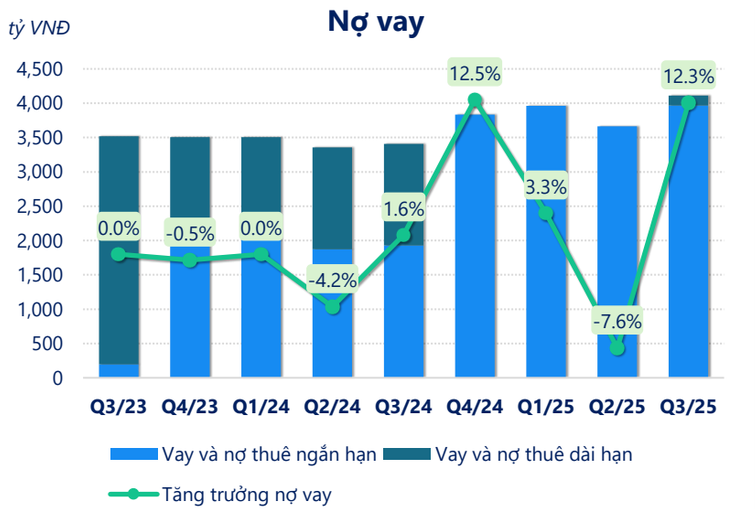
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



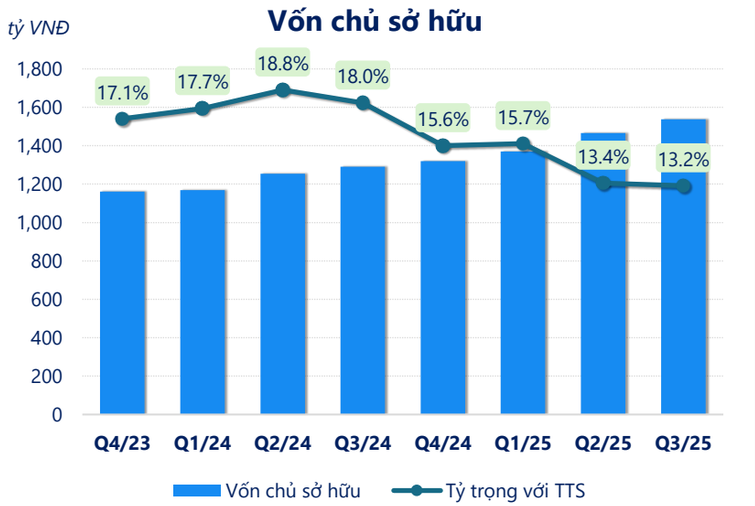
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



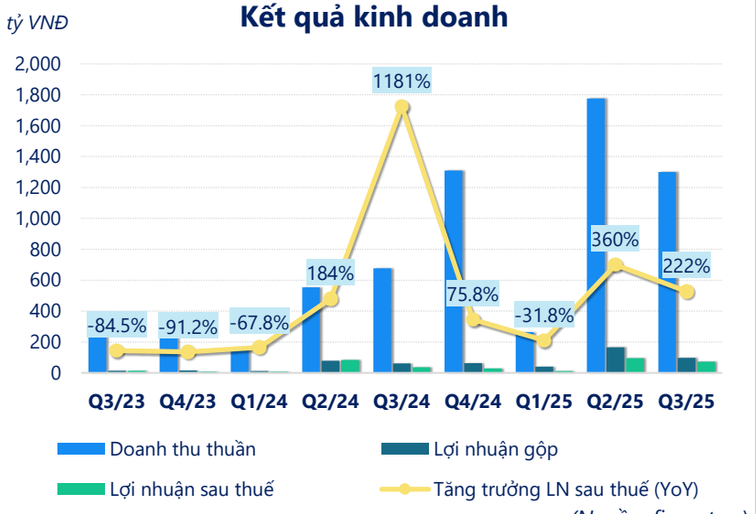
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

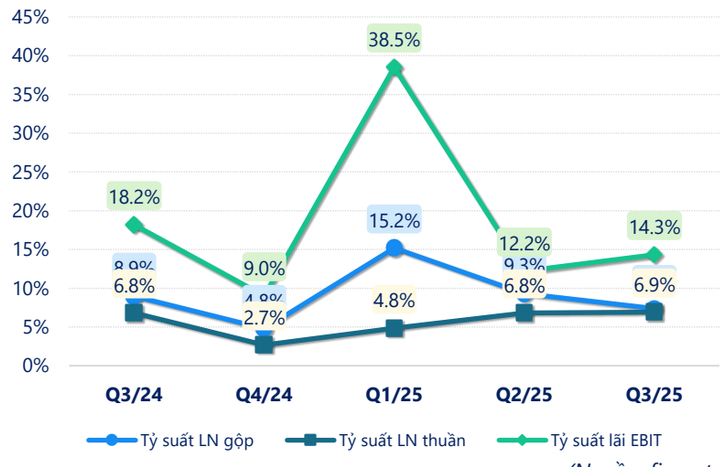
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Kết quả kinh doanh



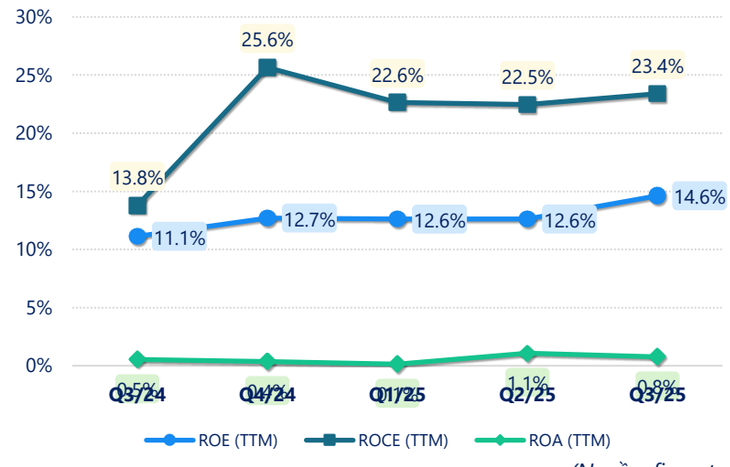
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



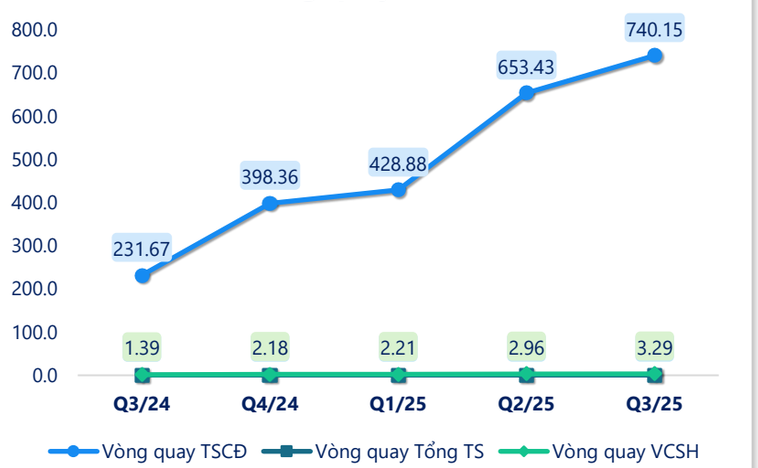
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



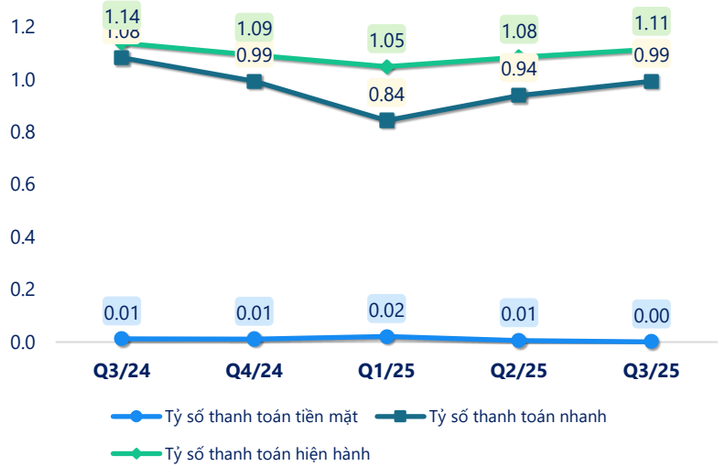
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



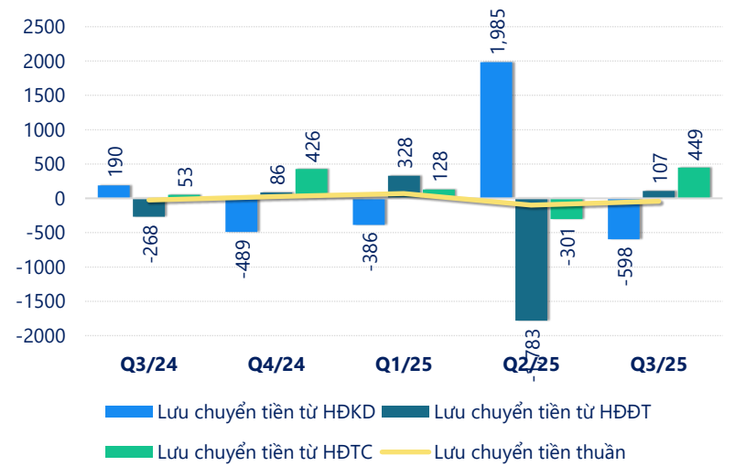
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,613**	**8,502**	**36.6%**
Tài sản ngắn hạn	10,102	6,989	44.5%
Tiền và tương đương tiền	6.41	78.1	-91.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8,991	6,162	45.9%
Hàng tồn kho	1,103	731	50.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.94	16.9	-94.4%
Tài sản dài hạn	**1,511**	**1,513**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	1,500	1,500	0.0%
Tài sản cố định	6.20	6.35	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.47**	**5.61**	**-20.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,076	7,142	41.1%
Nợ ngắn hạn	**9,065**	**6,669**	**35.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,966	3,835	3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,090	1,067	2.2%
Nợ dài hạn	1,011	473	114%
Vay và nợ thuê dài hạn	145	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,537**	**1,360**	**13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,537**	**1,360**	**13.1%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	677	1,309	263	1,775	1,301
Giá vốn hàng bán	617	1,246	223	1,610	1,205
Lợi nhuận gộp	60.6	62.8	40.0	165	95.9
Doanh thu HĐTC	84.3	84.4	80.9	73.6	113
Chi phí TC	80.8	84.2	89.2	97.4	95.5
Chi phí lãi vay	80.0	83.4	88.4	96.5	94.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	18.1	28.0	18.9	20.8	23.2
LN thuần từ HĐKD	46.1	35.1	12.7	121	90.0
Lợi nhuận khác	-2.89	-0.44	0.24	-0.79	1.67
LN trước thuế	43.2	34.6	13.0	120	91.7
Lợi nhuận sau thuế	37.1	29.1	10.9	94.9	72.1
LNST của CĐ cty mẹ	37.1	28.5	10.8	95.2	72.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	190	-489	-386	1,985	-598
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-268	86.2	328	-1,783	107
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	52.6	426	128	-301	449
Tiền đầu kỳ	80.1	54.2	78.1	148	48.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-26.0**	**23.9**	**69.8**	**-99.0**	**-42.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54.2	78.1	148	48.8	6.41

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic